萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

Lokasi dan waktu wawancara akan diumumkan di situs web penerimaan mahasiswa pada tanggal 30 April 2026.

第一階段篩選標準：1. 年齡2007/01/01(含)以後出生，2. 高中學業平均成績7.31(含)以上。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2007 (bao gồm). 2. Điểm trung bình học tập ở trường trung học từ 7,31 trở lên.

Kriteria penyaringan tahap pertama: 1. Usia: lahir pada atau setelah 2007/01/01 (termasuk); 2. Rata-rata nilai akademik SMA 7,31 (termasuk) atau lebih tinggi.

序號	申請科系	國籍	報名編號	姓 名	身分證字號
1	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	1	NGU*** VAN LIN*	025308**44
2	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	19	DUO** THI THU HIE*	024307**59
3	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	20	PHA* KHA** NGO*	030307**68
4	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	21	NGU*** NAM TUY**	025208**03
5	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	22	DAN* NGO* NHU Y	089308**20
6	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	31	LE ANH THU	022307**85
7	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	36	NGU*** THI NGO* ANH	040307**57
8	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	37	NGU*** DIN* LE BAO PHU*	037208**59
9	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	38	LUO** THI KIE* MY	093308**82
10	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	51	DAN* THI DIE* DAN*	094307**82
11	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	59	DIN* ANH TU	025308**70
12	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	62	VU THI MIN* TUY**	030308**24
13	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	76	PHA* CAM LY	086307**28
14	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	86	NGU*** GIA BAO	036208**51
15	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	94	LAM BOI QUA*	079308**52
16	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	95	HA THA** TU	034307**15
17	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	97	PHA* THI HUO** GIA**	002307**61
18	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	106	NGU*** HOA** TU QUY**	031308**58
19	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	113	TRA* THI NGO* ANH	036308**03
20	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	122	LAM BAO NGO*	086308**12
21	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	127	NGU*** HUY** QUY** NHI	093308**34

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

Lokasi dan waktu wawancara akan diumumkan di situs web penerimaan mahasiswa pada tanggal 30 April 2026.

第一階段篩選標準：1. 年齡2007/01/01(含)以後出生，2. 高中學業平均成績7.31(含)以上。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2007 (bao gồm). 2. Điểm trung bình học tập ở trường trung học từ 7,31 trở lên.

Kriteria penyaringan tahap pertama: 1. Usia: lahir pada atau setelah 2007/01/01 (termasuk); 2. Rata-rata nilai akademik SMA 7,31 (termasuk) atau lebih tinggi.

序號	申請科系	國籍	報名編號	姓 名	身分證字號
22	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	129	LE THI V*N AN*	038307**81
23	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	135	PHA* THI PHU*** NGU***	075307**12
24	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	137	CHA* VAN DI	091207**62
25	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	146	LUO** THI LA	024307**99
26	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	171	TRI** XUA* TRU**	030208**15
27	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	186	PHA* THU* DUO**	030307**68
28	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	190	NGU*** HA MY	001308**35
29	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	195	DAO YEN PHU***	024307**71
30	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	201	TRI** LE PHU*** TRA**	075308**27
31	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	205	NGU*** THI NGO* ANH	034308**31
32	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	207	VU N*U NGO*	030307**36
33	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	212	TRI** LEN* THA**	087207**87
34	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	220	LE NGU*** CHA*	022307**46
35	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	221	PHA* THI QUY** HUO**	030307**03
36	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	233	TRA* KIM NGA*	030307**73
37	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	250	MAI PHU*** THU*	038307**89
38	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	271	TRA* HUO** LAM	084307**77
39	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	273	DUO** THI MY DIE*	094307**64
40	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	274	NIN* THI MIE*	066308**42
41	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	275	LUU T*I LA*	024307**29
42	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	277	LUU T*U THU*	024307**22

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

Lokasi dan waktu wawancara akan diumumkan di situs web penerimaan mahasiswa pada tanggal 30 April 2026.

第一階段篩選標準：1. 年齡2007/01/01(含)以後出生，2. 高中學業平均成績7.31(含)以上。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2007 (bao gồm). 2. Điểm trung bình học tập ở trường trung học từ 7,31 trở lên.

Kriteria penyaringan tahap pertama: 1. Usia: lahir pada atau setelah 2007/01/01 (termasuk); 2. Rata-rata nilai akademik SMA 7,31 (termasuk) atau lebih tinggi.

序號	申請科系	國籍	報名編號	姓 名	身分證字號
43	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	283	TO T*I NGA*	024307**39
44	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	286	BUI THI L*N AN*	040307**54
45	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	294	BE QUO* VIE*	020208**06
46	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	295	NGU*** YEN NHI	034307**81
47	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	298	HOA** THU* TRA**	020308**35
48	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	304	TRU*** HON* ANH	015308**41
49	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	306	TRU*** TAN SAN*	040207**73
50	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	309	PHA* HUY** TRA**	034307**58
51	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	321	PHA* THI DIE* MY	042308**03
52	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	323	PHU** G*A LO*	094308**07
53	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	326	NGU*** QUY** TRA**	030308**70
54	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	327	NGU*** THI LAN ANH	030307**44
55	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	355	VI T*I HIE*	040307**92
56	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	361	HOA** THI THA** TRU*	040307**69
57	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	367	BUI T*I TRA**	034307**77
58	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	368	NGU*** LE NGO* ANH	030307**10
59	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	369	LUU THI THU* HAN*	030308**49
60	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	371	TRI** NGO* TAN	030208**30
61	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	372	VI T*I HUY**	020307**86
62	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	373	DAO T*I TH* HUY**	030308**18
63	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	375	BUI T*I MY HAN*	030308**40

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

Lokasi dan waktu wawancara akan diumumkan di situs web penerimaan mahasiswa pada tanggal 30 April 2026.

第一階段篩選標準：1. 年齡2007/01/01(含)以後出生，2. 高中學業平均成績7.31(含)以上。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2007 (bao gồm). 2. Điểm trung bình học tập ở trường trung học từ 7,31 trở lên.

Kriteria penyaringan tahap pertama: 1. Usia: lahir pada atau setelah 2007/01/01 (termasuk); 2. Rata-rata nilai akademik SMA 7,31 (termasuk) atau lebih tinggi.

序號	申請科系	國籍	報名編號	姓 名	身分證字號
64	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	391	LE T*I N*U QUY**	022307**13
65	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	395	CAO THI YEN NHI	094308**06
66	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	398	PHA* THI HOA* PHU***	042307**80
67	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	402	PHU** KIM CHU***	092307**17
68	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	406	HO QUY** HUO**	042307**15
69	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	409	LA THI T*U HUO**	024307**85
70	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	415	NGU*** THU THU*	034307**12
71	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	420	NGU*** VAN MIN*	030208**52
72	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	424	PHA* G*A HU*	030208**73
73	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	425	LE T*I HUO**	030308**58
74	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	427	NGU*** MY DUY**	030308**00
75	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	436	VY T*I QUY** LE	020308**57
76	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	445	HOA** HON* CHI	010307**26
77	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	448	HUA ANH NGU***	020308**18
78	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	463	DAN* KIE* HA MY	064307**20
79	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	468	HOA** THI YE*	030307**06
80	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	471	LO T*I T*A MY	040308**27
81	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	473	TRA* THI AI PHU***	077307**04
82	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	515	NGU*** THI HAI YE*	040307**47
83	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	518	HA THI NGO* THA*	087307**83
84	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	519	NGU*** NGO* HAN	025307**76

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

Lokasi dan waktu wawancara akan diumumkan di situs web penerimaan mahasiswa pada tanggal 30 April 2026.

第一階段篩選標準：1. 年齡2007/01/01(含)以後出生，2. 高中學業平均成績7.31(含)以上。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2007 (bao gồm). 2. Điểm trung bình học tập ở trường trung học từ 7,31 trở lên.

Kriteria penyaringan tahap pertama: 1. Usia: lahir pada atau setelah 2007/01/01 (termasuk); 2. Rata-rata nilai akademik SMA 7,31 (termasuk) atau lebih tinggi.

序號	申請科系	國籍	報名編號	姓 名	身分證字號
85	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	526	TRA* KHA** LIN*	036308**30
86	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	537	DUO** THI Y*N NH*	024307**37
87	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	547	TRA* PHU*** THU*	024308**7.
88	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	555	BUI T*U TRA**	038307**57
89	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	583	CHU T*I HA L*	020308**23
90	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	592	VU THI Y*N NH*	024308**81
91	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	602	NGU*** THI HON* DIE*	030308**96
92	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	606	NGU*** THI NGO* HUY**	040308**39
93	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	615	NGU*** THI YEN NH*	070308**13
94	觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	Vietnam	625	TRA* BAO NGO*	075307**92
95	觀光與休閒事業管理系 Manajemen Pariwisata & Rekreasi	Indonesia	453	TER****	317307**01
96	觀光與休閒事業管理系 Manajemen Pariwisata & Rekreasi	Indonesia	460	JES**** AUL**	317505**04
97	觀光與休閒事業管理系 Manajemen Pariwisata & Rekreasi	Indonesia	470	DHE***** CU	317302**01

萬能科技大學 招生委員會 電話：(03)4626